

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Mục 1. Yêu cầu về kỹ thuật

1.1. Giới thiệu chung về dự toán, gói thầu

- Chủ đầu tư: Bệnh viện Nguyễn Tri Phương
- Tên dự toán: Mua sắm hóa chất xét nghiệm và VTYT chuyên khoa Ngoại thần kinh lần 1 năm 2026
- Hình thức lựa chọn nhà thầu: Đấu thầu rộng rãi trong nước qua mạng
- Phương thức lựa chọn nhà thầu: Một giai đoạn một túi hồ sơ
- Thời gian thực hiện hợp đồng: 12 tháng.
- Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu: Quý 2/2026
- Nguồn vốn: Nguồn quỹ bảo hiểm y tế, nguồn thu từ dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh và các nguồn thu hợp pháp khác của Bệnh viện Nguyễn Tri Phương.
- Loại hợp đồng: Hợp đồng theo đơn giá cố định.

1.2. Yêu cầu về kỹ thuật

1.2.1. Tài liệu chứng minh tính hợp lệ của hàng hóa

a. Bảng Danh mục hàng hóa dự thầu (phần đánh giá về kỹ thuật) theo mẫu tại **mục 1.2.3 Chương V – Yêu cầu về kỹ thuật**. Yêu cầu nhà thầu kê khai đầy đủ thông tin tại các cột và ghi cụ thể trang và tài liệu tham chiếu. Các tài liệu tham chiếu phải được đặt tên file tương ứng để đối chiếu. Nhà thầu phải nộp đồng thời file Excel của tài liệu và bản scan có ký đóng dấu hợp lệ.

b. Có catalogue hoặc tài liệu kỹ thuật của nhà sản xuất (cung cấp bản gốc của nhà sản xuất và kèm bản dịch có đóng dấu của nhà sản xuất hoặc nhà phân phối được ủy quyền hợp pháp (nếu có) đối với từng loại hàng hóa):

- Ký mã hiệu, nhãn mác sản phẩm (theo quy định của nhà sản xuất);
- Tên hãng sản xuất/ Nước sản xuất;
- Tên hãng sở hữu/Nước sở hữu
- Thông số kỹ thuật hàng hóa;
- Quy cách hàng hóa (nếu có);

Nhà thầu cung cấp Bảng liệt kê chi tiết danh mục hàng hóa dự thầu phù hợp với yêu cầu tại **Mẫu 01A – Phạm vi cung cấp hàng hóa và Mẫu số 10 - Bảng tiến độ cung cấp tại chương IV – Biểu mẫu mời thầu và dự thầu**;

* Nếu nhà thầu chào sản phẩm tương đương (nghĩa là có đặc tính kỹ thuật tương tự, có tính năng sử dụng là tương đương với hàng hóa mời thầu) thì phải cung cấp các tài liệu chứng minh sự tương đương.

c. Đối với hàng hóa là thiết bị y tế:

- **Đối với hàng hóa nhập khẩu**, cung cấp các tài liệu sau:

- Bản phân loại thiết bị y tế theo quy định; các bản phân loại thiết bị y tế này phải còn hiệu lực trên Cổng thông tin của Bộ Y Tế (**Việc phân loại và công khai kết quả bản phân loại trang thiết bị y tế trên Cổng thông tin của Bộ Y tế được xem là hợp lệ khi việc phân loại và công khai được thực hiện trước thời điểm đóng và mở thầu**).
- Sổ lưu hành còn hiệu lực, cụ thể như sau:
 - + Đối với thiết bị y tế loại A, B: Phải cung cấp số công bố (hoặc Phiếu thông tin) và Hồ sơ công bố tiêu chuẩn áp dụng của trang thiết bị y tế còn hiệu lực trên Cổng thông tin điện tử Bộ Y tế (imda.moh.gov.vn).
 - + Đối với thiết bị y tế loại C, D: Phải cung cấp giấy chứng nhận đăng ký lưu hành còn hạn của Bộ Y tế theo quy định (Đối với thiết bị y tế không thuộc danh mục phải cấp phép nhập khẩu theo quy định tại Thông tư 05/2022/TT-BYT được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư 59/2025/TT-BYT thì Nhà thầu phải cam kết mặt hàng dự thầu không thuộc danh mục xin phép nhập khẩu).
- Số công bố (hoặc Phiếu thông tin) Hồ sơ công bố đủ điều kiện mua bán trang thiết bị y tế còn hiệu lực trên Cổng thông tin của Bộ Y Tế (**Việc công khai trên Cổng thông tin của Bộ Y tế được xem là hợp lệ khi việc công khai được thực hiện trước thời điểm đóng và mở thầu**).
- **Đối với hàng sản xuất trong nước**, cung cấp các tài liệu sau:
- Bản phân loại thiết bị y tế theo quy định, các bản phân loại thiết bị y tế này phải còn hiệu lực trên Cổng thông tin của Bộ Y Tế (**Việc phân loại và công khai kết quả bản phân loại trang thiết bị y tế trên Cổng thông tin của Bộ Y tế được xem là hợp lệ khi việc phân loại và công khai được thực hiện trước thời điểm đóng và mở thầu**).
- Sổ lưu hành còn hiệu lực, cụ thể như sau:
 - + Đối với thiết bị y tế loại A, B: Phải cung cấp số công bố (hoặc Phiếu thông tin) và Hồ sơ công bố tiêu chuẩn áp dụng của trang thiết bị y tế còn hiệu lực trên Cổng thông tin điện tử Bộ Y tế (imda.moh.gov.vn).
 - + Đối với thiết bị y tế loại C, D: Phải cung cấp giấy chứng nhận đăng ký lưu hành còn hạn của Bộ Y tế theo quy định (Đối với thiết bị y tế không thuộc danh mục phải cấp phép nhập

khẩu theo quy định tại Thông tư 05/2022/TT-BYT được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư 59/2025/TT-BYT thì Nhà thầu phải cam kết mặt hàng dự thầu không thuộc danh mục xin phép nhập khẩu).

- Sổ công bố (hoặc Phiếu thông tin) Hồ sơ công bố đủ điều kiện mua bán trang thiết bị y tế còn hiệu lực trên Cổng thông tin của Bộ Y Tế (**Việc công khai trên Cổng thông tin của Bộ Y tế được xem là hợp lệ khi việc công khai được thực hiện trước thời điểm đóng và mở thầu**).
- Sổ công bố (hoặc Phiếu thông tin) hồ sơ công bố đủ điều kiện sản xuất đối với trang thiết bị y tế sản xuất trong nước, theo quy định pháp luật hiện hành.
- **Yêu cầu đối với các giấy chứng nhận:** Nhà thầu phải nộp đầy đủ các giấy chứng nhận chất lượng của hàng hóa dự thầu được quy định trong Bảng A - DANH MỤC HÀNG HÓA THUỘC CHƯƠNG V và phải tuân thủ như sau:
 - Giấy chứng nhận nhà sản xuất (cơ sở sản xuất) đáp ứng tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 (còn hiệu lực tối thiểu đến thời điểm đóng thầu) và đường link tra cứu (trình bày link trên file word).
 - Giấy chứng nhận lưu hành của Cục quản lý thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ (FDA-CFG) - Mỹ; Chứng chỉ đạt tiêu chuẩn chất lượng Châu Âu (CE Mark Certificate) phải còn hiệu lực tối thiểu đến thời điểm đóng thầu. Nhà thầu phải nộp bản đã được hợp pháp hóa lãnh sự hoặc bản sao có chứng thực của bản đã được hợp pháp hóa lãnh sự và đường link tra cứu (trình bày link trên file word).

Lưu ý: Chứng chỉ CE Marking cung cấp trong E-HSDT phải do một bên thứ ba cấp (tổ chức trung gian hoặc tổ chức được Ủy ban Châu Âu công nhận ban hành chứng nhận kiểm định).

d. Đối với hàng hóa không phải là thiết bị y tế:

- **Đối với hàng hóa nhập khẩu:** tài liệu cung cấp:
 - Tài liệu chứng minh đặc tính kỹ thuật của hàng hóa: catalogue hoặc tài liệu kỹ thuật của nhà sản xuất (cung cấp bản gốc và kèm bản dịch có đóng dấu của nhà sản xuất hoặc nhà phân phối được ủy quyền hợp pháp (nếu có) đối với từng loại hàng hóa).
 - Tờ khai hàng hóa nhập khẩu.
- **Đối với hàng hóa sản xuất tại Việt Nam:** tài liệu cung cấp
 - Tài liệu chứng minh đặc tính kỹ thuật của hàng hóa: catalogue hoặc tài liệu kỹ thuật của nhà sản xuất (cung cấp bản gốc và kèm bản dịch có đóng dấu của nhà sản xuất hoặc nhà phân phối được ủy quyền hợp pháp (nếu có) đối với từng loại hàng hóa).

d. Các yêu cầu khác:

- Nhà thầu chỉ được chào một hàng hóa (với một chủng loại/ mã hàng) vào tối đa 01 phần (lô), trong trường hợp chào nhiều phần (lô) thì chỉ được xét 01 hoặc nhiều phần (lô) theo quyền quyết định của Chủ đầu tư.
- Trong trường hợp cần thiết, nhà thầu phải cung cấp đường link để Chủ đầu tư tra cứu, đối chiếu catalogue, tài liệu kỹ thuật của hàng hóa;
- Các tài liệu tại các mục b), c), d) nói trên:
 - + Nếu tài liệu được cấp trực tuyến: yêu cầu nhà thầu cung cấp bản gốc (bản có chữ ký số/có mộc đỏ), hoặc bản có thể được tra cứu công khai trực tuyến, hoặc bản đóng dấu xác nhận của nhà thầu/ nhà phân phối nếu tài liệu cấp trực tuyến không có chữ ký số/ đóng mộc đỏ.
 - + Nếu không phải là tài liệu được cấp trực tuyến: yêu cầu nhà thầu cung cấp bản gốc hoặc bản sao y chứng thực của cơ quan có thẩm quyền và nhà thầu chịu trách nhiệm về tính chính xác của nội dung.
 - + Nếu sử dụng bằng tiếng nước ngoài phải có bản dịch sang tiếng Việt Nam của cơ quan chuyên dịch thuật hoặc nhà thầu phải đóng dấu xác nhận chịu trách nhiệm pháp lý về tính chính xác của nội dung dịch thuật khi nhà thầu tự phát hành bản dịch. Trong trường hợp có sự sai khác giữa bản dịch và bản gốc thì Tổ chuyên gia sẽ đánh giá dựa vào bản gốc.
- Bảng danh mục hàng hóa dự thầu theo mẫu số 20 Chương V- Yêu cầu về kỹ thuật.
- Bảng kê hợp đồng tương tự trong trường hợp xác định mã HS của hàng hóa theo mẫu số 21 Chương V- Yêu cầu về kỹ thuật.
- Bản cam kết theo Mẫu số 22 trong Chương V- Yêu cầu về kỹ thuật. Nhà thầu phải cung cấp bản cam kết có ký, đóng dấu hợp lệ thể hiện đầy đủ các nội dung cam kết.
- Bảng mô tả đặc tính, thông số kỹ thuật theo Mẫu số 23 trong Chương V- Yêu cầu về kỹ thuật
- Bảng thuyết minh chi phí sản xuất trong nước trong cơ cấu giá theo mẫu số 24 Chương V – Yêu cầu kỹ thuật
- **Các danh mục hàng hóa dự thầu phải được đóng gói tiệt trùng; tem hàng hóa phải có đầy đủ thông tin, trong đó có bao gồm lot và hạn dùng sản phẩm**

1.2.2. Thông số kỹ thuật

Các thông số kỹ thuật, quy cách dưới đây không nhằm mục đích hạn chế nhà thầu. Nhà thầu có thể chào các mặt hàng có tính năng, thông số kỹ thuật, quy cách tương đương hoặc tốt hơn. Trong trường hợp đó, nhà thầu phải giải trình, chứng minh mặt hàng dự thầu có tính năng, thông số kỹ thuật, quy cách tương đương hoặc tốt hơn.

Hàng hóa phải đáp ứng các yêu cầu về quy cách, đặc tính, thông số kỹ thuật, và các yêu cầu khác như quy định tại **Bảng A - DANH MỤC HÀNG HÓA THUỘC CHƯƠNG V**

Bảng A - DANH MỤC HÀNG HÓA THUỘC CHƯƠNG V

STT trong E-HSM T	Mã phần (lô)	Tên phần lô	Danh mục hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Khối lượng mời thầu	Giá trị ước tính
1	PP2600151628	Test nhanh phát hiện định tính kháng thể Dengue IgM, IgG bằng phương pháp sắc ký miễn dịch	Test nhanh phát hiện định tính kháng thể Dengue IgM, IgG bằng phương pháp sắc ký miễn dịch	Phát hiện các kháng thể đặc hiệu IgM, IgG của virus sốt xuất huyết theo phương pháp sắc ký miễn dịch. Độ nhạy $\geq 83\%$, độ đặc hiệu $\geq 99\%$ (so sánh với pp ELISA). Thời gian đọc kết quả ≤ 15 phút. Mẫu: Huyết thanh, huyết tương, máu toàn phần. Bảo quản: từ 2-30 độ C Đóng gói: dạng test sẵn sử dụng. Hạn sử dụng: khi chưa mở nắp/ bao bì, tối thiểu 12 tháng kể từ ngày sản xuất. Tiêu chuẩn: ISO 13485	test	3.600	133.200.000
2	PP2600151629	Test nhanh phát hiện kháng nguyên Dengue NS1 bằng phương pháp sắc ký miễn dịch	Test nhanh phát hiện kháng nguyên Dengue NS1 bằng phương pháp sắc ký miễn dịch	Phát hiện các kháng nguyên đặc hiệu NS1 của virus sốt xuất huyết theo phương pháp sắc ký miễn dịch. Độ nhạy $\geq 95.5\%$, độ đặc hiệu $\geq 96\%$ (so sánh với pp RT-PCR). Thời gian đọc kết quả ≤ 15 phút. Mẫu: huyết thanh, huyết tương, máu toàn phần. Bảo quản: từ 2-30 độ C Đóng gói: dạng test sẵn sử dụng. Hạn sử dụng: khi chưa mở nắp/ bao bì, tối thiểu 12 tháng kể từ ngày sản xuất. Tiêu chuẩn: ISO 13485	test	7.200	266.400.000
3	PP2600151630	Test nhanh phát hiện cúm A, B bằng phương pháp sắc ký miễn dịch	Test nhanh phát hiện cúm A, B bằng phương pháp sắc ký miễn dịch	Phát hiện các kháng thể đặc hiệu với virus cúm A type và cúm B theo phương pháp sắc ký miễn dịch. Thời gian đọc kết quả ≤ 15 phút. Độ nhạy: cúm A $\geq 95\%$, cúm B $\geq 92,5\%$;	test	300	23.625.000

				Độ đặc hiệu cúm A $\geq 96\%$, cúm B $\geq 94,5\%$ (so sánh với phương pháp PCR). Mẫu bệnh phẩm được sử dụng: tăm bông ngoáy dịch mũi, tăm bông ngoáy dịch ty hầu, dịch hút hoặc dịch rửa ty hầu. Có đầu lọc loại bỏ chất nhày của bệnh phẩm. Đóng gói: dạng test sẵn sử dụng. Hạn sử dụng: khi chưa mở nắp/ bao bì, tối thiểu 12 tháng kể từ ngày sản xuất. Tiêu chuẩn: ISO 13485			
4	PP2600151631	Test nhanh phát hiện kháng thể kháng HIV $\frac{1}{2}$ (Sinh phẩm bổ sung SP2) (Khác nguyên lý hoặc cách chuẩn bị kháng nguyên với 2 sinh phẩm xét nghiệm bổ sung (SP1, SP3))	Test nhanh phát hiện kháng thể kháng HIV $\frac{1}{2}$ (Sinh phẩm bổ sung SP2) (Khác nguyên lý hoặc cách chuẩn bị kháng nguyên với 2 sinh phẩm xét nghiệm bổ sung (SP1, SP3))	Định tính phát hiện các kháng thể kháng tất cả các lớp kháng thể (IgG, IgM, IgA) đặc hiệu cho HIV-1 bao gồm tuýp phụ O và HIV-2 đồng thời trong huyết thanh, huyết tương hoặc máu toàn phần của người. (Phát hiện được kháng thể HIV1/2, và phân biệt được HIV1 và HIV2). - Độ nhạy: 100%. - Độ đặc hiệu $\geq 99,75\%$. - Thời gian trả kết quả: 10 - 20 phút. - Thẻ tích mẫu sử dụng: huyết thanh/ huyết tương (≤ 10 uL); máu toàn phần (≤ 20uL). - Nhiệt độ bảo quản: 1- 30 °C. - Quy cách đóng gói: test dạng cardtrIDGE được đóng gói trong từng túi giấy bạc riêng biệt. - Sinh phẩm nằm trong Khuyến cáo Phương cách xét nghiệm chẩn đoán HIV quốc gia bổ sung năm 2020 của Viện Vệ sinh dịch tễ Trung Ương số: 858/VSDTTƯ-HIV ngày 25/6/2020. Tiêu chuẩn: ISO 13485	Test	90	2.929.500
5	PP2600151632	Test nhanh phát hiện kháng thể kháng HIV $\frac{1}{2}$ (Sinh phẩm bổ sung SP3) (Khác nguyên lý hoặc	Test nhanh phát hiện kháng thể kháng HIV $\frac{1}{2}$ (Sinh phẩm bổ sung SP3) (Khác nguyên	Định tính phát hiện kháng thể kháng HIV-1 và HIV-2 ở huyết thanh, huyết tương hay máu toàn phần người. - Độ nhạy 100%. - Độ đặc hiệu $\geq 99,75\%$. - Cho kết quả nhanh trong vòng 15 phút, độ ổn	Test	100	4.252.500

		cách chuẩn bị kháng nguyên với 2 sinh phẩm xét nghiệm bổ sung (SP1, SP2)	lý hoặc cách chuẩn bị kháng nguyên với 2 sinh phẩm xét nghiệm bổ sung (SP1, SP2)	định của kết quả xét nghiệm tới 60 phút. - Thời gian trả kết quả: 15 - 20 phút. - Thể tích mẫu sử dụng: huyết thanh/ huyết tương ($\leq 50 \mu\text{L}$); máu toàn phần ($\leq 50 \mu\text{L}$). - Nhiệt độ bảo quản: 2- 30 °C. - Quy cách đóng gói: dạng que test (10 test/ vỉ, có thể tách rời từng test). - Sinh phẩm nằm trong khuyến cáo phương cách xét nghiệm chẩn đoán HIV quốc gia bổ sung năm 2020 của Viện Vệ sinh dịch tễ Trung Ương số: 858/VSDTTU-HIV ngày 25/6/2020. - Không cần sử dụng thêm bất kỳ dung dịch đệm cho mẫu máu huyết thanh, huyết tương. Tiêu chuẩn: ISO 13485			
6	PP2600151633	Hóa chất rửa thải toàn bộ	Hóa chất rửa thải toàn bộ	Hóa chất rửa thải được sử dụng trên hệ thống máy khí máu (có Lactate) có chứa thuốc rửa để làm sạch đường dẫn mẫu sau khi phân tích và hiệu chuẩn. Bao gồm 250 ml chất rửa với muối, chất hoạt động bề mặt, chất bảo quản trong nước khử ion. Mỗi cartridge rửa thải sử dụng ổn định tối thiểu 7 ngày sau khi được cài đặt trên hệ thống. Bảo quản ở nhiệt độ 2-25°C. Tiêu chuẩn: ISO 13485 và EC/FDA(CFG)	Bộ	270	702.000.000
7	PP2600151634	Bình khí Cal/Slope	Bình khí Cal/Slope	Cal: Cung cấp điểm chuẩn cho pCO₂ và pO₂ trong việc hiệu chuẩn 1 điểm và 2 điểm Slope: Cung cấp điểm dốc cho pCO₂ và pO₂ trong việc hiệu chuẩn 2 điểm Tiêu chuẩn: ISO 13485 và EC/FDA(CFG)	Bình	6	147.600.000
8	PP2600151635	Hồng cầu mẫu A1/B	Hồng cầu mẫu A1/B	Dùng cho định nhóm máu ABO bằng phương pháp hồng cầu mẫu Thành phần: Bộ hồng cầu mẫu gồm 2 lọ A1 và B Bảo quản : 2-8 °C Đóng gói : Dạng lỏng sẵn sử dụng Độ nhạy và độ đặc hiệu 100%.	ml	100	8.274.000

				Hóa chất tương thích với hệ thống phân tích nhóm máu tự động bằng phương pháp Gel Card. Tiêu chuẩn: ISO 13485			
9	PP2600151636	NHÓM MÁY ĐÔNG MÁU TỰ ĐỘNG SỬ DỤNG PHƯƠNG PHÁP ĐO QUANG ĐA BƯỚC SÓNG					
9.1			Hóa chất rửa kim hút có tính kiềm	Chất tẩy rửa được sử dụng để vệ sinh các kim hút tương thích hệ thống máy xét nghiệm đông máu hoàn toàn tự động đo quang đa bước sóng (340, 405, 575, 660, 800 nm) Thành phần: Sodium hypochlorite Sau khi mở nắp, sản phẩm ổn định ở 2 - 8 độ C trong tối thiểu 15 ngày. Đóng gói: Đóng gói theo hộp, sẵn sàng sử dụng. Tiêu chuẩn: ISO 13485	mL	1.100	33.000.000
9.2			Hóa chất rửa kim hút có tính acid	Hoá chất rửa làm sạch kim hút trên tương thích hệ thống máy xét nghiệm đông máu hoàn toàn tự động đo quang đa bước sóng (340, 405, 575, 660, 800 nm) - Thành phần: chứa Hydrochloric acid; Non-ionic surfactant - Độ ổn định sau mở nắp: ≥ 2 tháng khi bảo quản ở 5 tới 35°C - Đóng gói: Đóng gói theo hộp, sẵn sàng sử dụng. Tiêu chuẩn: ISO 13485	mL	1.500	6.622.500
10	PP2600151637	NHÓM MÁY MIỄN DỊCH TỰ ĐỘNG SỬ DỤNG PHƯƠNG PHÁP VI HẠT TỪ TÍNH HÓA PHÁT QUANG ACRIDINIUM					

10.1			Hóa chất rửa máy miễn dịch	Dung dịch rửa có chứa muối đệm phosphate 1.5M dùng cho hệ thống máy xét nghiệm miễn dịch theo phương pháp vi hạt từ hóa phát quang Tiêu chuẩn: ISO 13485 và EC/FDA(CFG)	mL	304.200	97.344.000
10.2			Hóa chất bảo dưỡng máy có hoạt tính enzym protease	Hóa chất bảo dưỡng hệ thống máy xét nghiệm miễn dịch theo phương pháp vi hạt từ hóa phát quang Hoạt chất: 5-chloro-2-methyl-4- isothiazolin-3-one, 2-methyl-4-isothiazolin-3-one, Protease enzyme . Tiêu chuẩn: ISO 13485 và EC/FDA(CFG)	mL	7.700	41.272.000
10.3			Hóa chất chuẩn HAVAb-IgM	Hoá chất chuẩn xét nghiệm miễn dịch vi hạt hoá phát quang để phát hiện định tính kháng thể IgM kháng virus viêm gan A (IgM anti-HAV) trong huyết thanh và huyết tương. Tiêu chuẩn: ISO 13485 và EC/FDA(CFG)	mL	12	10.594.920
10.4			Hóa chất nội kiểm HAVAb-IgM	Hoá chất nội kiểm xét nghiệm miễn dịch vi hạt hoá phát quang để phát hiện định tính kháng thể IgM kháng virus viêm gan A (IgM anti-HAV) trong huyết thanh và huyết tương. Tiêu chuẩn: ISO 13485 và EC/FDA(CFG)	mL	48	6.891.888
10.5			Hóa chất chuẩn HBeAg	Hoá chất chuẩn xét nghiệm miễn dịch vi hạt hoá phát quang để định tính kháng nguyên e viêm gan B (HBeAg) trong huyết thanh và huyết tương. Tiêu chuẩn: ISO 13485 và EC/FDA(CFG)	mL	12	5.455.992
10.6			Hóa chất nội kiểm HBeAg	Hoá chất nội kiểm xét nghiệm miễn dịch vi hạt hoá phát quang để định tính kháng nguyên e viêm gan B (HBeAg) trong huyết thanh và huyết tương. Tiêu chuẩn: ISO 13485 và EC/FDA(CFG)	mL	80	11.830.000
10.7			Hóa chất chuẩn Anti-HBe	Hoá chất chuẩn xét nghiệm miễn dịch vi hạt hoá phát quang để định tính kháng thể kháng kháng nguyên e của virus viêm gan B (anti-Hbe) trong	mL	12	10.911.960

				huyết thanh và huyết tương. Tiêu chuẩn: ISO 13485 và EC/FDA(CFG)			
10.8			Hóa chất nội kiểm Anti-HBe	Hoá chất nội kiểm xét nghiệm miễn dịch vi hạt hoá phát quang để định tính kháng thể kháng kháng nguyên e của virus viêm gan B (anti-Hbe) trong huyết thanh và huyết tương. Tiêu chuẩn: ISO 13485 và EC/FDA(CFG)	mL	80	11.830.000
10.9			Hóa chất nội kiểm ProCalcitonin	Hoá chất nội kiểm xét nghiệm miễn dịch vi hạt hoá phát quang để định lượng proCalcitonin trong huyết thanh và huyết tương. Tiêu chuẩn: ISO 13485 và EC/FDA(CFG)	mL	80	33.406.640
10.10			Hóa chất chuẩn Cortisol	Hoá chất chuẩn xét nghiệm miễn dịch vi hạt hoá phát quang để định lượng cortisol trong huyết thanh, huyết tương hay nước tiểu. Tiêu chuẩn: ISO 13485 và EC/FDA(CFG)	mL	72	10.912.032
10.11			Hóa chất nội kiểm Anti-CCP	Hoá chất nội kiểm xét nghiệm miễn dịch vi hạt hoá phát quang bán định lượng kháng thể tự miễn IgG đặc hiệu với peptid citrullin hoá dạng vòng (cyclic citrullinated peptide CCP) trong huyết thanh hay huyết tương. Tiêu chuẩn: ISO 13485 và EC/FDA(CFG)	mL	56	8.621.536
10.12			Hóa chất rửa kim có tính acid	Hóa chất rửa kim có tính acid hệ thống máy xét nghiệm miễn dịch theo phương pháp vi hạt từ hóa phát quang Thành phần: Citric acid monohydrate Oxalic acid dihydrate Polyethylene glycol Methanol Monochloroacetic acid Tiêu chuẩn: ISO 13485 và EC/FDA(CFG)	mL	9.050	41.630.000
10.13			Hóa chất nội kiểm miễn dịch	Mẫu nội kiểm cho một số xét nghiệm miễn dịch theo phương pháp vi hạt từ hóa phát quang: AFP, Beta hCG, CA 125, CA 15-3, CA 19-9, Cortisol,	mL	720	36.551.520

				TSH, FT4, FT3, Troponin I hs, 25-OH Vitamin D, PSA total, CEA,... Tiêu chuẩn: ISO 13485 và EC/FDA(CFG)			
10.14			Cốc đựng mẫu	Cốc đựng mẫu, dùng cho máy miễn dịch theo phương pháp vi hạt từ tính hóa phát quang Tiêu chuẩn: ISO 13485	Cái	2.000	1.320.000
10.15			Hóa chất định lượng Troponin-I siêu nhạy	*Xét nghiệm miễn dịch vi hạt hoá phát quang để định lượng troponin tim (cTnI) siêu nhạy trong huyết tương và huyết thanh. *Khoảng đo từ 10 pg/mL đến 50.000 pg/mL hoặc rộng hơn. *Nhiệt độ bảo quản: 2-8 °C *Thời gian onboard trên máy ≥ 30 ngày *Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng (tính từ thời điểm Bệnh viện nhận hàng) Tiêu chuẩn: ISO 13485 và EC/FDA(CFG)	Test	30.000	2.502.630.000
10.16			Hóa chất chuẩn Anti-CCP	Hoá chất chuẩn xét nghiệm miễn dịch vi hạt hoá phát quang bán định lượng kháng thể tự miễn IgG đặc hiệu với peptid citrullin hoá dạng vòng (cyclic citrullinated peptide CCP) trong huyết thanh hay huyết tương. Tiêu chuẩn: ISO 13485 và EC/FDA(CFG)	ml	36	4.813.812
11	PP2600151638	NHÓM MÁY MIỄN DỊCH SINH HÓA SỬ DỤNG PHƯƠNG PHÁP ĐO QUANG CÔNG NGHỆ FLEXRATE & CHIP ICT					
11.1			Hóa chất nội kiểm Vancomycin	Hóa chất nội kiểm xét nghiệm Vancomycine Tiêu chuẩn: ISO 13485 và EC/FDA(CFG)	mL	120	6.247.920

11.2			Hóa chất định lượng Lipase	Xét nghiệm Lipase để định lượng lipase trong huyết thanh hay huyết tương. - Lipase tuyến tính đến 1.200 U/L hoặc rộng hơn. - Giới hạn phát hiện (LOD) $\leq 1,75$ U/L. - Giới hạn định lượng (LOQ) $\leq 3,5$ U/L. - Nhiệt độ bảo quản: 2-8 độ C - Thời gian onboard trên máy ≥ 10 ngày Tiêu chuẩn: ISO 13485 và EC/FDA(CFG)	Test	19.200	481.190.400
11.3			Hóa chất chuẩn Lipase	Hóa chất chuẩn xét nghiệm Lipase để định lượng lipase trong huyết thanh hay huyết tương. Tiêu chuẩn: ISO 13485 và EC/FDA(CFG)	mL	70	22.040.970
11.4			Hóa chất định lượng Amoniac (NH ₃) (Kèm Calib trong hộp hóa chất)	Xét nghiệm Ammonia để định lượng enzym của ammonia trong huyết tương. LOD cho Ammonia là ≤ 10 µg/dL hoặc nhỏ hơn Nhiệt độ bảo quản: 2-8 °C Thời gian onboard trên máy ≥ 15 ngày Tiêu chuẩn: ISO 13485 và EC/FDA(CFG)	Test	3.400	111.037.200
11.5			Hóa chất chuẩn Vancomycin	Hóa chất chuẩn xét nghiệm Vancomycin Tiêu chuẩn: ISO 13485 và EC/FDA(CFG)	mL	72	26.486.496
11.6			Hóa chất định lượng RF	Xét nghiệm RF để định lượng yếu tố thấp (RF) trong huyết thanh. - Độ tuyến tính 20,0 đến 200,0 IU/mL hoặc rộng hơn. - Nhiệt độ bảo quản: 2-8 độ C - Thời gian onboard trên máy ≥ 30 ngày Tiêu chuẩn: ISO 13485 và EC/FDA(CFG)	Test	2.400	30.316.800
11.7			Hóa chất định lượng Ethanol	Xét nghiệm Ethanol để định lượng ethanol trong huyết thanh hoặc huyết tương. - Độ tuyến tính 10 mg/dL đến 600 mg/dL hoặc rộng hơn. - Nhiệt độ bảo quản: 2-8 độ C - Thời gian onboard trên máy ≥ 30 ngày Tiêu chuẩn: ISO 13485 và EC/FDA(CFG)	Test	6.600	184.074.000

11.8			Hóa chất chuẩn Ethanol	Hoá chất chuẩn xét nghiệm Ethanol trong huyết thanh hoặc huyết tương. Tiêu chuẩn: ISO 13485 và EC/FDA(CFG)	mL	120	57.788.640
12	PP2600151639	NHÓM MÁY XÉT NGHIỆM DẦU ẨN UNG THU' THEO PHƯƠNG PHÁP HÓA PHÁT QUANG DIOXETANE-PHOSPHAT					
12.1			Hóa chất chuẩn CA19-9	- Chất chuẩn xét nghiệm định lượng CA 19-9 - Ổn định cho đến ngày hết hạn trên nhãn khi được bảo quản ở -20°C trở xuống. - Sau lần sử dụng đầu tiên, ống đã rã đông sẽ ổn định ở 2 đến 10°C trong 90 ngày trừ khi ngày hết hạn diễn ra trước giới hạn 90 ngày Tiêu chuẩn: ISO 13485	mL	30	16.039.800
12.2			Hóa chất chuẩn CEA	- Chất chuẩn xét nghiệm định lượng CEA - Ổn định cho đến ngày hết hạn trên nhãn khi được bảo quản ở 2 đến 10° Tiêu chuẩn: ISO 13485	mL	30	9.777.600
12.3			Hóa chất chuẩn PTH	- Hóa chất chuẩn xét nghiệm định lượng PTH - Chất hiệu chuẩn đông khô và Dung dịch đệm hoàn nguyên PTH ổn định cho đến ngày hết hạn trên nhãn khi được bảo quản ở 2 đến 10°C. Tiêu chuẩn: ISO 13485	mL	140	66.517.500
12.4			Hóa chất định lượng AFP	Hóa chất sử dụng trên máy miễn dịch tự động theo phương pháp vi hạt từ hóa phát quang, miễn dịch enzym hai vị trí ("sandwich"), định lượng AFP. Phạm vi phân tích: 1–3.000 ng/ml hoặc rộng hơn. Ổn định cho đến ngày hết hạn được ghi trên nhãn khi được bảo quản ở 2 đến 10°C. Ổn định ở 2 đến 10°C tối thiểu 25 ngày sau mở	Test	2.100	102.664.800

				nắp. Tiêu chuẩn: ISO 13485			
12.5			Hóa chất chuẩn AFP	Chất chuẩn xét nghiệm định lượng AFP Ổn định cho đến ngày hết hạn được ghi trên nhãn khi được bảo quản ở 2 đến 10°C Tiêu chuẩn: ISO 13485	ml	52,5	9.779.175
12.6			Hóa chất chuẩn Total PSA	Chất chuẩn xét nghiệm định lượng PSA toàn phần Ổn định cho đến ngày hết hạn trên nhãn khi được bảo quản ở 2 đến 10°C. Tiêu chuẩn: ISO 13485	ml	45	8.835.750
13	PP2600151640	NHÓM MÁY XÉT NGHIỆM SINH HÓA TỰ ĐỘNG SỬ DỤNG PHƯƠNG PHÁP ĐO QUANG					
13.1			Hóa chất đệm điện giải	Hóa chất đệm điện giải. Thành phần tối thiểu gồm Triethanolamine Dạng lỏng sẵn sử dụng Bảo quản: 15-25°C Tiêu chuẩn: ISO 13485	ml	364.000	275.184.000
13.2			Hóa chất chuẩn điện giải mức trung bình	Chất chuẩn chuẩn điện giải mức trung bình. Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Na ⁺ ≤ 4,5 mmol/L; K ⁺ ≤ 0,15 mmol/L; Cl ⁻ ≤ 3,5 mmol/L Dạng lỏng sẵn sử dụng Bảo quản: 2-25°C Phù hợp với hóa chất điện giải ISE Tiêu chuẩn: ISO 13485	ml	384.000	370.944.000
14	PP2600151641	NHÓM HÓA CHẤT CHƯƠNG TRÌNH NGOẠI KIỂM TRA CHẤT					

		LƯỢNG XÉT NGHIỆM					
14.1			Hóa chất chương trình ngoại kiểm Huyết học	Mẫu máu toàn phần có nguồn gốc từ người dùng cho chương trình ngoại kiểm huyết học; Đáp ứng các thông số sau: Haemoglobin (Hb); Mean Cell Volume (MCV); Mean Cell Haemoglobin Concentration (MCHC); Red Blood Cell Count (RBC); Mean Platelet Volume (MPV); Plateletcrit (PCT); HaematoCrit (HCT); Mean Cell Haemoglobin (MCH); Platelets (PLT); Total White Blood Cell Count (WBC); Red Cell Dist Width (RDW); Dạng lỏng; bảo quản ở nhiệt độ 2-8°C; Độ ổn định trong vòng 2 ngày sau khi mở nắp ở nhiệt độ 2-8°C khi được xử lý theo đúng hướng dẫn; Tiêu chuẩn: ISO 13485	Lọ / 2 ml	15	21.510.000
14.2			Hóa chất chương trình ngoại kiểm Sinh hóa	Mẫu được dùng cho chương trình ngoại kiểm sinh hoá; Đáp ứng các thông số sau: ACE; Acid phosphatase (prostatic); Acid phosphatase (total); Albumin; ALP; ALT (ALAT); Amylase (pancreatic); Amylase (total); AST; Bicarbonate; Bile acids; Bilirubin, direct; Bilirubin, total; Calcium ionised; Calcium; Chloride; Cholinesterase; Cholesterol; CK, total (CPK); Copper; Creatinine; D-3- hydroxybutyrate; Fructosamine; Free T3; Free T4; Gamma GT; GLDH; Glucose; HBDH; HDL- Cholesterol; Iron; Lactate; LD (LDH); Lipase; Lithium; Magnesium; NEFA; Osmolality; Phosphate inorganic; Potassium; Protein total; PSA; Sodium; TIBC; Total T3; Total T4; Triglycerides; TSH; Urea; Uric acid; Zinc;	Lọ / 5 ml	12	16.800.000

				Dạng đông khô; bảo quản ở nhiệt độ 2-8°C; Độ ổn định trong vòng 24h sau khi hoàn nguyên ở nhiệt độ 2-8°C khi được xử lý theo đúng hướng dẫn; Tiêu chuẩn: ISO 13485			
14.3			Hóa chất chương trình ngoại kiểm Miễn dịch	Mẫu được dùng cho chương trình ngoại kiểm miễn dịch; Đáp ứng các thông số sau: 17-OH-progesterone; 25-OH-Vitamin D; ACTH; AFP; Aldosterone; Amikacin; Androstenedione; B-2-Microglobulin; CA125; CA15-3; CA19-9; Carbamazepine; CEA; Cortisol; C-peptide; DHEA,Unconjugated; DHEA-S; Digoxin; Ferritin; Folate; Free T3; Free T4; Free Testosterone (Pilot); FSH; Gentamicin; GH; hCG; IgE; Insulin; LH; Oestradiol; Paracetamol; Parathyroid Hormone; Phenobarbital; Phenytoin; Progesterone; Prolactin; PSA; PSA, Free; Salicylate; Sex Hormone Binding Globulin (SHBG); T3; T4; Testosterone; Theophylline; Thyroglobulin; TSH; Valproic acid; Vancomycin; Vitamin B12; Dạng đông khô; bảo quản ở nhiệt độ 2-8°C; 'Thành phần 100% huyết thanh người Độ ổn định trong vòng 2 ngày sau khi hoàn nguyên ở nhiệt độ 2-8°C khi được xử lý theo đúng hướng dẫn ngoại trừ các xét nghiệm ACTH, PTH, Androstenedione và Thyroglobulin; Tiêu chuẩn: ISO 13485	Lọ / 5 ml	12	28.590.000
14.4			Hóa chất chương trình ngoại kiểm Tim mạch	Mẫu được dùng cho chương trình ngoại kiểm Tim mạch; Đáp ứng các thông số sau: CK Total; CK-MB Activity; CK-MB Mass; D-Dimer; Digoxin; HomoCysteine; hsCRP; Myoglobin; NT-proBNP; Troponin I; Troponin	Lọ / 3 ml	12	22.428.000

				T; Dạng đông khô; bảo quản ở nhiệt độ 2-8°C; '-Mẫu có thành phần 100% huyết thanh người Độ ổn định trong vòng 2 ngày sau khi hoàn nguyên ở nhiệt độ 2-8°C khi được xử lý theo đúng hướng dẫn; Tiêu chuẩn: ISO 13485			
14.5			Hóa chất chương trình ngoại kiểm Đông máu	Mẫu được dùng cho chương trình ngoại kiểm Đông máu; Đáp ứng các thông số sau: Activated Partial Thromboplastin Time (aPTT); Antithrombin III (ATIII); Fibrinogen; Prothrombin Time (PT); Thrombin Time (TT); Dạng đông khô; bảo quản ở nhiệt độ 2-8°C; Độ ổn định trong vòng 6h sau khi hoàn nguyên ở nhiệt độ 2-8°C khi được xử lý theo đúng hướng dẫn; Tiêu chuẩn: ISO 13485	Lọ / 1 ml	12	15.402.000
14.6			Hóa chất chương trình ngoại kiểm Khí máu	Mẫu được dùng cho chương trình ngoại kiểm Khí máu; Đáp ứng các thông số khí máu, gồm: Bicarbonate; Ca⁺⁺; Glucose; Lactate; pCO₂; pO₂; Cl⁻; K⁺; Na⁺; pH; tCO₂; Dạng lỏng; bảo quản ở nhiệt độ 2-8°C; Độ ổn định: trong vòng 1 phút sau khi mở nắp đối với giá trị pH/khí máu ở nhiệt độ 20-23°C khi được xử lý theo đúng hướng dẫn. Tiêu chuẩn: ISO 13485	Lọ /1.8 ml	12	16.902.000
14.7			Hóa chất chương trình ngoại kiểm Hemoglobi gắn kết (HbA1C)	Mẫu được dùng cho chương trình ngoại kiểm Hba1c; Đáp ứng 2 thông số: Hba1c và Total Hemoglobin hoặc tương đương; Dạng đông khô; bảo quản ở nhiệt độ 2-8°C; Độ ổn định: trong vòng 2 ngày sau khi hoàn	Lọ / 0.5 ml	16	21.416.000

				nguyên khi được xử lý theo đúng hướng dẫn; Tiêu chuẩn: ISO 13485			
14.8			Hóa chất chương trình ngoại kiểm Niệu (Tổng phân tích nước tiểu)	Mẫu có nguồn gốc 100% nước tiểu người được dùng cho chương trình ngoại kiểm Niệu; Đáp ứng các thông số sau: Albumin; Bilirubin; Blood; Creatinine; Galactose; Glucose; hCG; Ketones; LeukoCytes; Nitrite; pH; Protein; Specific Gravity; Urobilinogen; Dạng lỏng; bảo quản ở nhiệt độ 2-8°C; Độ ổn định: trong vòng 2 ngày sau khi mở nắp khi được xử lý theo đúng hướng dẫn; Tiêu chuẩn: ISO 13485	Lọ / 12 ml	6	19.260.000
14.9			Hóa chất chương trình ngoại kiểm Sinh hóa niệu	Mẫu được dùng cho chương trình ngoại kiểm quốc tế Sinh hoá nước tiểu; Đáp ứng các thông số sau: Albumin / Microalbumin; Albumin/Creatinine Ration; Amylase; Calcium; Chloride; Copper; Cortisol; Creatinine; Dopamine; Epinephrine; Glucose; Magnesium; Metanephrine; Norepinephrine; Normetanephrine; Osmolality; Oxalate; Phosphate inorganic; Potassium Protein total; Sodium; Urea; Uric acid; VMA; 5-HIAA; Dạng đông khô; bảo quản ở nhiệt độ 2-8°C; Độ ổn định: trong vòng 2 ngày sau khi hoàn nguyên khi được xử lý theo đúng hướng dẫn; Tiêu chuẩn: ISO 13485	Lọ/1 0ml	12	12.660.000
14.10			Hóa chất chương trình ngoại kiểm Ammonia/ Ethanol)	Mẫu được dùng cho chương trình ngoại kiểm Ammonia/Ethanol; Đáp ứng 2 thông số: Ammonia và Ethanol; Dạng lỏng; bảo quản ở nhiệt độ 2-8°C; Độ ổn định: trong vòng 2 ngày sau khi mở nắp khi được xử lý theo đúng hướng dẫn; Tiêu chuẩn: ISO 13485	Lọ/2 ml	18	23.112.000

14.11			Hóa chất chương trình ngoại kiểm Torch	Mẫu được dùng cho chương trình ngoại kiểm ToRCH; Đáp ứng các thông số: Anti-Toxoplasma IgG, Anti-Toxoplasma IgM, Anti-Rubella IgM, Anti-Rubella IgG, Anti-CMV IgG, Anti-CMV IgM; Anti-HSV1 IgG, Anti-HSV1 IgM, Anti-HSV2 IgG, Anti-HSV2 IgM, Anti-HSV-1&2 IgG Combined, Anti-HSV-1&2 IgM Combined, Anti-Measles IgG, Anti-Mumps IgG, Anti-VZV IgG. Dạng lỏng; bảo quản ở nhiệt độ 2-8°C; Độ ổn định: trong vòng 2 ngày sau khi mở nắp khi được xử lý theo đúng hướng dẫn; Tiêu chuẩn: ISO 13485	Lọ/1 ml	24	39.792.000
14.12			Hóa chất chương trình ngoại kiểm giang mai	Mẫu được dùng cho chương trình ngoại kiểm giang mai; Đáp ứng 1 thông số: Syphilis Dạng lỏng; bảo quản ở nhiệt độ 2-8°C; Độ ổn định: trong vòng 2 ngày sau khi mở nắp khi được xử lý theo đúng hướng dẫn; Tiêu chuẩn: ISO 13485	Lọ/1 ml	12	15.000.000
14.13			Hóa chất chương trình ngoại kiểm Cyfra 21-1	Mẫu được dùng cho chương trình ngoại kiểm Cyfra 21-1; Đáp ứng 1 thông số: CYFRA 21-1 (Cytokeratin 19) Bảo quản ở nhiệt độ 2-8°C; Độ ổn định: trong vòng 2 ngày sau khi mở nắp khi được xử lý theo đúng hướng dẫn; Tiêu chuẩn: ISO 13485	Lọ/1 ml	12	22.884.000
14.14			Hóa chất chương trình ngoại kiểm HIV/ Viêm gan	Mẫu được dùng cho chương trình ngoại kiểm HIV; Đáp ứng các thông số: Anti-HIV-1, Anti-HCV, Anti-HTLV-II, HBsAg, Anti-HIV-2, Anti-HBc, Anti-HTLV-1&2 (combined), Anti-HIV-1&2 (combined), Anti-HTLV-I, Anti-CMV, Anti-HAV IgM, Anti-HAV (Total), Anti-HBc (Total),	Lọ/ 1.8 ml	24	21.988.800

				Anti-HBe (Total), Anti-HBs (Total) P24 Dạng lỏng; bảo quản ở nhiệt độ 2-8°C; Độ ổn định: trong vòng 2 ngày sau khi mở nắp khi được xử lý theo đúng hướng dẫn; Tiêu chuẩn: ISO 13485			
14.15			Hóa chất chương trình ngoại kiểm miễn dịch đặc biệt	Mẫu được dùng cho chương trình ngoại kiểm miễn dịch đặc biệt; Đáp ứng các thông số: 1-25-OH-Vitamin D, 25- OH-Vitamin D, Anti-TG, Anti-TPO, C-peptide, IGF-1, Insulin, OsteoCalcin, ProCalcitonin, PTH Bảo quản ở nhiệt độ 2-8°C; Độ ổn định: trong vòng 2 ngày sau khi mở nắp khi được xử lý theo đúng hướng dẫn; Tiêu chuẩn: ISO 13485	Lọ/2 ml	12	26.328.000
15	PP2600151642	NHÓM HÓA CHẤT XÉT NGHIỆM MIỄN DỊCH CHẨN ĐOÁN CHỈ DẤU TIM MẠCH NT- PROBNP SỬ DỤNG PHƯƠNG PHÁP HUỖNH QUANG					
15.1			Hóa chất nội kiểm NTproBNP mức 2	Được sản xuất từ dịch, huyết thanh người Nội kiểm được các thông số xét nghiệm sau: NT- proBNP, BNP, hs CRP, Troponin I (mức 2) HSD: tối thiểu 2 năm ở -20 ° C đến -70 ° C Độ ổn định sau mở lọ tối thiểu 15 ngày ở 2-8 ° C Tiêu chuẩn: ISO 13485 và EC/FDA(CFG)	ml	90	20.160.000
15.2			Hóa chất nội kiểm NTproBNP mức 3	Được sản xuất từ dịch, huyết thanh người Nội kiểm được các thông số xét nghiệm sau: NT- proBNP, BNP, hs CRP, Troponin I (mức 3) HSD: tối thiểu 2 năm ở -20 ° C đến -70 ° C	ml	90	21.600.000

				Độ ổn định sau mở lọ tối thiểu 15 ngày ở 2-8 ° C Tiêu chuẩn: ISO 13485 và EC/FDA(CFG)			
16	PP2600151643	NHÓM VẬT TƯ HÓA CHẤT XÉT NGHIỆM ĐÔNG MÁU TỰ ĐỘNG SỬ DỤNG PHƯƠNG PHÁP ĐO QUANG - ĐO ĐỘ ĐỤC					
16.1			Hóa chất định lượng Fibrinogen trên máy phân tích đông máu tự động	Hóa chất dùng để xét nghiệm định lượng Fibrinogen-Clauss Thành phần: chứa: thrombin bò (≥ 35 UNIH/ml), albumin bò, canxi clorid, đệm và chất ổn định Bảo quản: 2-8 °C. Độ ổn định sử dụng sau khi hoàn nguyên (hoặc mở nắp): ≥ 2 ngày nhiệt độ 2-8 °C, ≥ 2 ngày nhiệt độ 15 °C trên máy, ≥ 1 tháng nhiệt độ -20 °C Đóng gói: dạng lỏng sẵn sử dụng Tiêu chuẩn: ISO 13485	ml	80	36.598.800
16.2			Cong phản ứng dạng khối dùng cho hệ thống máy đông máu tự động	Cong phản ứng dạng khối dùng cho hệ thống máy đông máu tự động Vật liệu: nhựa polystyrene Bảo quản: 4-45 °C Đóng gói: 1 hộp tối thiểu 500 thanh, dạng thanh gồm 4 vị trí cuvette Tiêu chuẩn: ISO 13485	Cái	14.400	59.572.800
17	PP2600151644	NHÓM PHẪU THUẬT ĐẶT ĐIỆN CỰC KÍCH THÍCH THẦN KINH PHẪU VỊ ĐIỀU TRỊ BỆNH ĐỘNG KINH KHÁNG THUỐC					

17.1			Bộ điều khiển kích thích dây thần kinh phế vị Bộ điều khiển kích thích dây thần kinh phế vị	Bộ điều khiển kích thích dây thần kinh phế vị được cấy ghép và điều trị chứng động kinh kháng thuốc - Chất liệu: Vỏ ngoài Titanium, được hàn kín. Đầu nối bằng Polyurethane. Khe kết nối bằng thép không gỉ. - Khối lượng: 16g - Nguồn kích thích: 3.3 V, mạch hở - Dung lượng định mức: 1.7 A trong 1 giờ - Dòng điện kích thích: từ 0 - 2.0 mA theo bước 0.125 mA, từ 2.0 - 3.5 mA theo bước 0.250 mA. - Có 5 chế độ kích thích: Chế độ thông thường, Chế độ kích thích bằng nam châm, Chế độ Autostim, Chế độ Ngày/Đêm và Chế độ cài đặt kích thích theo lịch trình - Cho phép ghi và lưu lại các sự kiện nhịp tim thấp và tư thế nằm sấp của người bệnh Tiết khuẩn Tiêu chuẩn ISO 13485 và EC/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	bộ	2	1.209.360.000
17.2			Bộ điện cực kích thích dây thần kinh phế vị Bộ điện cực kích thích dây thần kinh phế vị	Bộ điện cực kích thích dây thần kinh phế vị - Dây điện cực dài 43 cm - Thân điện cực: Vỏ ngoài bằng Silicon, được cấu tạo bởi 4 sợi xoắn - Điện cực vòng xoắn: gồm 2 điện cực âm, dương và 1 chân neo, vật liệu dẫn điện hợp kim Platinum/Iridium - 02 sợi chỉ Polyester để phân biệt điện cực âm (chỉ màu xanh lá) và dương (chỉ màu trắng) - 04 Kẹp cố định thân dây điện cực vào mô - Tương thích với "Bộ điều khiển kích thích dây thần kinh phế vị" tại danh mục mời thầu Tiết khuẩn Tiêu chuẩn ISO 13485 và EC/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	bộ	2	136.000.000

17.3			Nam châm dành cho bệnh nhân sau khi cấy ghép hệ thống kích thích dây thần kinh phế vị	Nam châm dành cho bệnh nhân sau khi cấy ghép hệ thống kích thích dây thần kinh phế vị dùng để bổ sung xung kích thích. Bao gồm: + Nam châm: 02 Cái + Dây đeo cổ tay: 01 Cái + Kẹp thắt lưng: 01 Cái - Tương thích với "Bộ điều khiển kích thích dây thần kinh phế vị" tại danh mục mời thầu Tiêu chuẩn ISO 13485	bộ	2	9.240.000
17.4			Bộ phụ kiện dùng cho máy chính kích thích dây thần kinh phế vị	Bộ phụ kiện dùng cho máy chính kích thích dây thần kinh phế vị được sử dụng để kiểm tra máy kích thích và bộ điện cực trong quá trình phẫu thuật cấy ghép. Bao gồm: + Tuốc nơ vít lục giác: 01 Cái + Điện trở kiểm tra: 01 Cái + Kẹp cố định: 04 Cái - Tương thích với "Bộ điều khiển kích thích dây thần kinh phế vị" tại danh mục mời thầu Tiêu chuẩn ISO 13485	bộ	2	25.200.000

Ghi chú:

- Yêu cầu thông số kỹ thuật của E-HSMT là tối thiểu, chỉ nhằm mục đích mô tả và không nhằm mục đích hạn chế nhà thầu. Bất kỳ thương hiệu, ký mã hiệu, công nghệ (nếu có) trong tiêu chuẩn kỹ thuật chi tiết là để minh họa các tiêu chuẩn chất lượng, tính năng kỹ thuật. Vì vậy, nhà thầu có thể chào thầu những hàng hóa có thông số kỹ thuật tương đương hoặc tốt hơn. Trong trường hợp đó, nhà thầu phải giải trình, chứng minh mặt hàng dự thầu có tính năng, thông số kỹ thuật tương đương hoặc tốt hơn so với yêu cầu của E-HSMT.
- Yêu cầu về tương đương:
 - + Tương đương về chủng loại như yêu cầu E-HSMT;
 - + Tương đương về tiêu chuẩn kỹ thuật (Thiết kế, tính năng sử dụng, công nghệ chế tạo, tiêu chuẩn công nghệ) theo yêu cầu E-HSMT.
 Nhà thầu phải cung cấp tài liệu chứng minh là sản phẩm dự thầu tương đương với các sản phẩm đã nêu trong E-HSMT.

1.2.3. Mẫu Bảng danh mục hàng hóa dự thầu

- Nhà thầu kê khai đầy đủ theo mẫu dưới đây (Mẫu số 20) và cung cấp **file định dạng excel kèm E-HSDT** cùng bản in ký đóng dấu, hợp lệ.

- ***Mẫu này dùng để phục vụ đánh giá về kỹ thuật hàng hóa chào thầu của nhà thầu. Yêu cầu nhà thầu phải điền đầy đủ và chính xác. Nhà thầu tự chịu trách nhiệm về hậu quả hoặc sự bất lợi nếu không làm đúng theo quy định. Việc nhà thầu cố tình kê khai thông tin không đúng với thông số kỹ thuật mà nhà sản xuất đã công bố nhằm mục đích vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật được coi là hành vi gian lận trong đấu thầu quy định tại khoản 4 Điều 16 Luật Đấu thầu và sẽ bị xử lý theo quy định của Pháp luật .***

Mẫu số 20

**DANH MỤC HÀNG HÓA DỰ THẦU
(PHẦN ĐÁNH GIÁ VỀ KỸ THUẬT)**

Tên nhà thầu: Địa chỉ: Email: Số điện thoại người phụ trách thầu:

STT theo E- HSMT	Yêu cầu của E-HSMT					Đáp ứng yêu cầu của E-HSDT												
	Mã phần (lô)	Tên hàng hóa theo E- HSMT	ĐVT	Khối lượng mời thầu	Thông số kỹ thuật mời thầu	Tên thương mại	ĐVT	Quy cách đóng gói	Chủng loại (Model/ ký mã hiệu)	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng/ nước chủ sở hữu	Năm sản xuất	Phân loại TTBYT (A,B, C,D)	Số công bố/Số lưu hành	Thông số kỹ thuật dự thầu	Mã hãng sản xuất vật tư y tế (nếu có)	Tên mã hãng sản xuất vật tư y tế (nếu có)
....																		
....																		

..., ngày tháng ... năm

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

(Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu)

Ghi chú:

- Các cột thuộc phần Yêu cầu E-HSMT: Nhà thầu nhập các nội dung này theo nội dung trong E-HSMT cho các phần mà nhà thầu tham dự
- Các cột thuộc phần Đáp ứng yêu cầu của E-HSDT: Ghi cụ thể các thông tin về hàng hóa dự thầu của nhà thầu. Trong đó, lưu ý cột:
- + **Cột Mã hãng sản xuất vật tư y tế và cột Tên mã hãng sản xuất vật tư y tế:** Nhà thầu ghi rõ mã hãng sản xuất vật tư y tế và tên mã hãng sản xuất vật tư y tế theo Quyết định số 5086/QĐ-BYT ngày 04/11/2021; Thông tư số 04/2017/TT-BYT ngày 14/04/2017 của Bộ trưởng Bộ Y tế. E-HSDT vẫn được xem xét đánh giá theo các tiêu chí đánh giá của E-HSMT bất kể việc nhà thầu không kê khai tại nội dung này. Nội dung tại cột này chỉ phục vụ việc thanh toán theo yêu cầu bảo hiểm, không bao gồm trong nội dung đánh giá E-HSDT.

1.2.4. Hướng dẫn trình bày các file trong E-HSDT đăng tải trên Hệ thống:

Các file dữ liệu của hàng hóa đính kèm E-HSDT phải được phân chia riêng biệt theo folder như sau:

1. Folder 1. Tính hợp lệ:

- File tính hợp lệ của nhà thầu

- + Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (có thể hiện ngành nghề kinh doanh)
- + Phiếu tiếp nhận hồ sơ công bố đủ điều kiện mua bán trang thiết bị y tế;
- + Phiếu tiếp nhận hồ sơ công bố đủ điều kiện sản xuất trang thiết bị y tế.
- + Quyết định bổ nhiệm chức vụ và Giấy Ủy Quyền cho người được phép ký các hồ sơ tham dự thầu trong E-HSDT của Nhà thầu trong trường hợp người ký này không phải là người đại diện theo Pháp luật của Nhà Thầu.

- File Bảo đảm dự thầu + tài liệu chứng minh tính hợp lệ của người ký thư bảo lãnh.

2. Folder 2. Năng lực – kinh nghiệm:

- File 1. Báo cáo tài chính năm ____ (ví dụ: 2023)
- File 2. Báo cáo tài chính năm ____ (ví dụ: 2024)
- File 3. Báo cáo tài chính năm ____ (ví dụ: 2025)
- File 4. Xác nhận thực hiện nghĩa vụ thuế
- File 5. Hợp đồng tương tự 1 (bao gồm hợp đồng, biên bản nghiệm thu/thanh lý/hóa đơn GTGT...)
- File 6. Hợp đồng tương tự 2
- ... và các tài liệu liên quan khác (nếu có)

3. Folder 3. Kỹ thuật: ngoài bảng danh mục hàng hóa chung, mỗi folder trong này sẽ bao gồm 01 hoặc các mặt hàng dự thầu có cùng hãng sản xuất hoặc cùng tài liệu pháp lý, trong mỗi folder đề nghị nhà thầu tách riêng các file tài liệu và đánh số thứ tự

- File 1. Bảng danh mục hàng hóa dự thầu (File scan từ bản ký, đóng dấu)
- File 2. Bảng danh mục hàng hóa dự thầu (File excel)

Folder 3.1. STT ____ (STT mặt hàng theo E-HSMT ví dụ: STT 1, 2, 3):

- File 1. Giấy ủy quyền (bao gồm: ủy quyền từ hãng chủ sở hữu (có hợp thức hóa của lãnh sự nếu hãng chủ sở hữu ở nước ngoài), ủy quyền từ nhà phân phối...)
- File 2. Bảng kết quả phân loại TTBYT; bảng công bố kết quả phân loại TTBYT.
- File 3. Sổ lưu hành (bao gồm: Phiếu tiếp nhận/Phiếu thông tin hồ sơ công bố tiêu chuẩn áp dụng, giấy chứng nhận đăng ký lưu hành, tờ khai hải quan, v.v...)
- File 4. Chứng nhận chất lượng (bao gồm: ISO 13485, CE; CFG...)
- File 5. Tài liệu kỹ thuật (bao gồm: bản gốc và bản dịch catalog, datasheet, brochure... do nhà sản xuất phát hành).
- File 6. Bảng thông tin kê khai giá trang thiết bị y tế.
- Các tài liệu liên quan khác (nếu có).

(tương tự Folder 3.2, Folder 3.3... cho các hàng hóa có STT tiếp theo)

1.3 Các yêu cầu khác

Bảng kê hợp đồng tương tự trong trường hợp xác định mã HS của hàng hóa

- Tính chất tương tự quy định tại bảng X là hợp đồng cung cấp vật tư hoặc hóa chất y tế hoặc trang thiết bị y tế hoặc trong trường hợp nhà thầu xác định được mã HS của mặt hàng theo hướng dẫn tại ghi chú số (9) và số (10) của Bảng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm, nhà thầu phải kê khai bảng tính giá trị hợp đồng tương tự theo mẫu dưới đây.

- Nhà thầu phải kê khai đầy đủ thông tin theo mẫu sau làm cơ sở xét tính chất và quy mô của hợp đồng tương tự. Chủ đầu tư xem xét và đánh giá hợp đồng tương tự trên cơ sở thông tin kê khai của nhà thầu. Nhà thầu chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của thông tin được cung cấp. Nhà thầu phải đính kèm E-HSDT file excel và file scan có ký, đóng dấu hợp lệ của bảng kê khai theo mẫu dưới đây (Mẫu số 21), **đồng thời cung cấp tài liệu chứng minh mã HS của mặt hàng tương tự bằng các tài liệu hợp lệ liên quan (tờ khai hải quan).**

STT	Yêu cầu E-HSMT				Đáp ứng của E-HSDT				
	Mã phần (lô)	Danh mục hàng hóa	Mã HS yêu cầu ⁽¹⁾	Giá trị hợp đồng tương tự yêu cầu đối với từng mã HS yêu cầu (VND)	Tên thành viên liên danh đảm nhận (nếu có) ⁽²⁾	Hợp đồng tương tự	Hạng mục hàng hóa tương tự đã thực hiện	Mã HS của hạng mục hàng hóa tương tự ⁽³⁾	Giá trị đã thực hiện của hạng mục hàng hóa tương tự
Hướng dẫn	(Nhà thầu ghi tên phần (lô) của E-HSMT)	(Nhà thầu ghi tên danh mục hàng hóa của E-HSMT)	(Nhà thầu tự xác định mã HS của hạng mục hàng hóa đang xét, đề nghị ghi đầy đủ các số của mã HS)	= (50% giá dự toán của hạng mục hàng hóa đang xét)/2	(Ghi tên thành viên liên danh cung cấp mặt hàng dự thầu tương ứng với các nội dung của Thỏa thuận liên danh. Giá trị hợp đồng tương tự của thành viên liên danh được xét trên cơ sở phần công việc đảm nhận)	(Nhà thầu ghi tên, số hiệu, ngày ký, chủ đầu tư, vai trò của nhà thầu (độc lập hay thành viên liên danh, tỷ lệ % liên danh)	(Nhà thầu ghi STT, tên hạng mục hàng hóa tương tự đã thực hiện trong hợp đồng tương tự)	(Nhà thầu kê khai mã HS của hạng mục hàng hóa tương tự đã thực hiện, đề nghị ghi đầy đủ các số của mã HS)	(Nhà thầu ghi giá trị phần công việc đã thực hiện tương ứng với Mã HS yêu cầu, lưu ý đính kèm tài liệu chứng minh phần giá trị thực hiện đó đã được hoàn thành. đảm bảo đáp ứng tối thiểu giá trị hợp đồng tương tự yêu cầu của từng hạng mục)
1									

Ghi chú: (1), (3): Nội dung chi tiết về cách xác định hợp đồng tương tự theo mã HS được quy định tại Ghi chú số (9) và số (10) tại Chương III E-HSMT, mục Bảng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm.

(2): Đối với nhà thầu là liên danh: từng thành viên liên danh phải thỏa mãn yêu cầu tương đương với phần công việc đảm nhận.

Mục 2. Bản vẽ: Không có bản vẽ

Mục 3. Kiểm tra và thử nghiệm

Tất cả các hàng hóa do nhà thầu cung cấp theo hợp đồng mua bán với bệnh viện phải được kiểm tra trước khi nhập kho các nội dung sau:

+ Tên hàng hóa

+ Số lượng

+ Lô, hạn dùng

+ Hãng, nước sản xuất

+ Đơn vị tính; Quy cách đóng gói

+ Điều kiện bảo quản hàng hóa trong lúc vận chuyển.

- Bệnh viện có quyền kiểm tra, thử nghiệm để khẳng định tính phù hợp của hàng hóa với các đặc tính kỹ thuật của vật tư tiêu hao hóa chất theo hợp đồng. Chủ đầu tư không phải chịu các phí tổn phụ thêm. Bệnh viện có nhiệm vụ thông báo kịp thời cho nhà cung cấp và sự xác nhận cho những người đại diện thực hiện việc giao hàng.

- Nếu qua kiểm tra và sử dụng vật tư y tế, hóa chất mà không phù hợp với yêu cầu về đặc tính kỹ thuật theo E-HSMT thì Bệnh viện Nguyễn Tri Phương có quyền từ chối nhận vật tư y tế, hóa chất và Nhà cung cấp phải có trách nhiệm thay thế hoặc tiến hành những điều chỉnh cần thiết để đáp ứng đúng các yêu cầu về đặc tính kỹ thuật trong vòng 02 ngày. Trường hợp Nhà thầu không có khả năng thay thế hay điều chỉnh các hàng hóa không phù hợp, đơn vị sử dụng có quyền tổ chức việc thay thế hay điều chỉnh nếu thấy cần thiết, mọi rủi ro và chi phí liên quan do Nhà thầu chịu.

+ Địa điểm kiểm tra và thử nghiệm: Trực tiếp tại Bệnh viện Nguyễn Tri Phương

+ Thời gian kiểm tra và thử nghiệm: Thỏa thuận.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN CAM KẾT

Kính gửi: (Chủ đầu tư)

Sau khi nghiên cứu E-HSMT của gói thầu: **[ghi tên gói thầu]** do **[ghi tên Chủ đầu tư]** mời thầu.

Ngoài các nội dung đã được cam kết tại Đơn dự thầu. Chúng tôi, **[ghi tên nhà thầu]**, cam kết các nội dung như sau:

1. Hạch toán tài chính độc lập;
2. Độc lập về pháp lý và độc lập về tài chính với các bên sau đây: Chủ đầu tư, thẩm định hồ sơ mời thầu; đánh giá hồ sơ dự thầu; thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu.
3. Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu;
4. Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ về thuế đối với nhà nước đến hết năm tài chính năm 2025;
5. Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp;
6. Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu;
7. Không có hợp đồng tương tự chậm tiến độ hoặc bỏ dở hợp đồng do lỗi của nhà thầu trong vòng 3 năm kể từ thời điểm đóng thầu;
8. Không trong trạng thái bị tạm ngừng, chấm dứt tham gia hệ thống;
9. Cam kết về các dịch vụ sau bán hàng:
 - Thời gian cung ứng tối đa trong vòng 48 giờ kể từ khi nhận được thông báo dự trù của Bệnh viện Nguyễn Tri Phương, đầy đủ về số lượng, đảm bảo chất lượng, đúng giá trúng thầu. Riêng đối với hàng hóa đột xuất cấp cứu, ...thời gian giao hàng không quá 24 giờ;
 - Nếu hàng hóa xảy ra việc không đáp ứng yêu cầu về một trong những yếu tố như: chất lượng, chủng loại, số lượng, khối lượng... như đã nêu trong hợp đồng, E-HSMT và E-HSDT của nhà thầu, trong vòng tối đa 48 giờ, nhà thầu phải cung cấp hàng hóa mới cùng loại để thay thế. Trong trường hợp này, nhà thầu phải có trách nhiệm thu hồi hàng hóa không đạt yêu cầu;
 - Thu hồi hàng hóa đã giao và chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho bệnh nhân và Bệnh viện Nguyễn Tri Phương nếu sản phẩm không đảm bảo chất lượng gây nên thiệt hại hoặc có thông báo thu hồi của cơ quan có thẩm quyền (mà không do lỗi của Bệnh viện Nguyễn Tri

Phuong). Nhà thầu có trách nhiệm hoàn trả tiền hoặc thay thế bằng lô sản xuất hàng hóa khác đảm bảo chất lượng.

- ***Có khả năng thực hiện nghĩa vụ bảo hành, cung cấp phụ tùng thay thế hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng bằng một trong các cách sau đây:***

+ ***Nhà thầu cam kết có năng lực tự thực hiện các nghĩa vụ bảo hành, cung cấp phụ tùng thay thế hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng theo yêu cầu của E-HSMT.***

+ ***Nhà thầu ký hợp đồng nguyên tắc với đơn vị có đủ khả năng thực hiện nghĩa vụ bảo hành, cung cấp phụ tùng thay thế hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng theo yêu cầu của E-HSMT.***

(Nhà thầu chọn cách phù hợp để cam kết và bỏ cách còn lại)

10. Cam kết về hàng hóa dự thầu:

- Hàng hóa nhà thầu cung cấp được các cơ quan có thẩm quyền cấp phép sử dụng và lưu hành trên toàn lãnh thổ Việt Nam. Phẩm chất, chất lượng đúng theo các chỉ tiêu do nhà sản xuất đưa ra, không có các khuyết tật nảy sinh dẫn đến bất lợi trong quá trình sử dụng hàng hóa và có đủ giấy tờ về xuất xứ, chất lượng;
- Hàng hóa được giao mới 100%, còn nguyên đai nguyên kiện, chưa qua sử dụng, được bảo quản trong kho và bảo quản trong quá trình vận chuyển đáp ứng yêu cầu của nhà sản xuất, đảm bảo chất lượng cho đến khi hàng được giao tới kho Bệnh viện Nguyễn Tri Phương và không được hư hao, bể vỡ trong quá trình vận chuyển, nếu có sẽ được đổi lại. Bồi thường đối với lô thuốc thử bị hư khi nhận được phản hồi từ phía Bệnh viện;
- Hàng hóa có nhãn hoặc có kèm theo nhãn phụ với đầy đủ các thông tin theo quy định tại Nghị định số 43/2017/NĐ-CP và Nghị định 111/2021/NĐ-CP và các quy định pháp luật liên quan hiện hành;
- Hàng hóa sẽ được cung cấp làm nhiều đợt theo nhu cầu của Bệnh viện Nguyễn Tri Phương và dự kiến hoàn thành trong vòng 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực;
- Chấp thuận đổi hàng đối với các mặt hàng cận hạn sử dụng nếu bệnh viện chưa sử dụng trước ngày hết hạn sử dụng ít nhất 02 tháng;
- Đảm bảo cung cấp đầy đủ số lượng hàng hóa (nếu trúng thầu), đảm bảo chất lượng hàng hóa theo đúng giá trúng thầu (kể cả trong trường hợp có trượt giá trong năm) và cung ứng ổn định trong suốt thời gian thực hiện hợp đồng;
- Giá hàng hóa cung ứng cho Bệnh viện không cao hơn giá trúng thầu tại các cơ sở y tế trên cả nước trong niên độ thực hiện gói thầu và không cao hơn đơn giá so với quy định về mặt bằng giá của các Bệnh viện đã được BHXH phê duyệt. Trong trường hợp giá cao hơn, nhà thầu có trách nhiệm giảm giá cho Bệnh viện Nguyễn Tri Phương. Đồng thời, nhà thầu sẽ bồi

thường số tiền tương ứng với số lượng hàng hóa Bệnh viện Nguyễn Tri Phương đã sử dụng trước đó mà BHXH đề nghị xuất toán

- Đảm bảo chất lượng theo tiêu chuẩn chế tạo và sẽ không có các khuyết tật nảy sinh dẫn đến bất lợi trong quá trình sử dụng hàng hóa.
- Hạn dùng của hàng hóa tính từ lúc giao tới kho hàng của Chủ đầu tư - 468 Nguyễn Trãi, Phường An Đông, Thành phố Hồ Chí Minh: tối thiểu còn 12 tháng.

11. Các cam kết khác

- Cung cấp trợ cụ hỗ trợ cho từng ca mổ.
- Với những vật tư y tế cần máy, thiết bị để sử dụng thì nhà thầu cam kết cho Chủ đầu tư mượn thiết bị, phụ kiện đi kèm để sử dụng những vật tư y tế này nếu trúng thầu.
- Tất cả các bản sao tài liệu, khi có yêu cầu thì nhà thầu phải xuất trình bản gốc để đối chiếu.
- Cung cấp hướng dẫn sử dụng của hàng hóa bằng tiếng Việt.
- Về tính chính xác của tất cả tài liệu cung cấp trong E-HSDT. Trong trường hợp phát hiện tài liệu có sai lệch, nhà thầu chịu mọi trách nhiệm trước Chủ đầu tư theo quy định của pháp luật.
- Cung cấp Giấy phép/ủy quyền bán hàng còn hiệu lực theo quy định tại E-CDNT 16.2.
- Bổ sung các hồ sơ tiêu chuẩn chất lượng khi hết hiệu lực.

Chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính trung thực của E-HSDT.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NHÀ THẦU

[ký tên và đóng dấu]

Mẫu số 23

BẢNG MÔ TẢ ĐẶC TÍNH, THÔNG SỐ KỸ THUẬT HÀNG HÓA DỰ THẦU

STT theo E- HSMT	Mã phân (lô)	Tên hàng hóa dự thầu	Thông số kỹ thuật hàng hóa dự thầu	Tài liệu chứng minh sự đáp ứng tại trang ...
1.			<i>[ghi rõ TSKT của hàng hóa dự thầu, không sao chép TSKT của hàng hóa mời thầu]</i>	
2.				
...				

Mẫu số 24

Tên đơn vị sản xuất trong nước

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 202

BẢNG THUYẾT MINH CHI PHÍ SẢN XUẤT TRONG NƯỚC TRONG CƠ CẤU GIÁ

(Tính cho một đơn vị đóng gói nhỏ nhất)

Tên hàng hóa:

Quy cách đóng gói:

Tên đơn vị sản xuất:

STT	Nội dung chi phí	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Chi phí trong nước
A	Sản lượng tính giá					
B	Chi phí sản xuất, kinh doanh					
I	Chi phí trực tiếp					
1	Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ, nhiên liệu, năng lượng trực tiếp					
2	Chi phí nhân công trực tiếp					
3	Chi phí khấu hao máy móc thiết bị trực tiếp (trường hợp được trích khấu hao)					
4	Chi phí sản xuất, kinh doanh (chưa tính ở trên) theo đặc thù của từng ngành, lĩnh vực					
II	Chi phí chung					
5	Chi phí sản xuất chung (đối với doanh nghiệp)					
6	Chi phí tài chính (nếu có)					
7	Chi phí bán hàng					
8	Chi phí quản lý					
	Tổng chi phí sản xuất, kinh doanh					
C	Chi phí phân bổ cho sản phẩm phụ (nếu có)					
D	Giá thành toàn bộ					
Đ	Giá thành toàn bộ 01 (một) đơn vị sản phẩm					
E	Lợi nhuận dự kiến					

G	Thuế giá trị gia tăng, thuế khác (nếu có) theo quy định					
H	Giá dự thầu					

Ghi chú: Nhà thầu nộp các tài liệu chứng minh liên quan chi phí sản xuất trong nước.

....., ngày tháng năm 202
Đại diện đơn vị sản xuất
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)